

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HS-ST

Ngày: 13-7-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Thảo.

Ông Dương Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ưu - Thư ký Tòa án nhân dân B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Bàn Kiềm M, sinh ngày 14/10/1996 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã BTr, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Bàn Dềnh V và bà Triệu Mùi S; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa: Ông **Sầm Văn Kính** - Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* Bị hại: Ông **Bàn Dềnh V**, sinh năm 1970. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã BTr, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Triệu Mùi S**, **sinh năm 1968**. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã BTr, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Chị **Bàn Mùi S**, **sinh năm 1990**. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã BTr, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Người phiên dịch:

- Bà **Lý Thị Thịnh**. Có mặt.

Nơi công tác: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Người làm chứng:

- Ông **Đặng Chàn K**, sinh năm 1969. Vắng mặt.

- Bà **Bàn Mùi Ph**, sinh năm 1962. Vắng mặt.

- Anh **Triệu Quỳ V**, sinh năm 1988. Vắng mặt.

- Anh **Đặng Quỳ C**, sinh năm 1994. Vắng mặt.

- Ông **Lý Văn D**, sinh năm 1970. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 07/10/2020, ông Bàn Dềnh V về đến nhà ở thôn T, xã BTr, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Lúc này, tại nhà ông V có bà Triệu Mùi S là vợ ông V, ông Đặng Chàn K, bà Bàn Mùi Ph trú cùng thôn đang sơ chế đồ tương ở sân trước của nhà bếp và bị cáo Bàn Kiềm M là con trai ông V đang hái rau chuẩn bị cơm tối. Về đến nhà, ông V đi qua cửa bếp vào nhà rồi lại quay ra ngoài sân, ngồi nói chuyện với ông K và mắng bị cáo M về việc bị cáo M đi làm thuê không kiếm được tiền còn mang xe máy tài sản của gia đình đi cầm cố tiêu xài cá nhân hết và ông V nghi bị cáo M lấy đồng bạc trắng của ông V mang đi bán nhưng bị cáo M không nhận nên ông V nói là mẹ bị cáo M mang đi bán. **Trong khi cãi nhau, ông V có lời nói dọa giết vợ, con nhưng ông V vẫn ngồi tại chỗ, không có hành động gì.** Nghe vậy, bị cáo M chạy vào bếp lấy một con dao quắm đi ra, vút xuống mặt đất gần vị trí ông V ngồi và thách thức ông V chém. Ông V cầm lấy con dao do bị cáo M vút xuống đồng thời cầm thêm một con dao quắm mà ông ngồi lên, hai tay giơ hai con dao ra phía trước hướng về phía bị cáo M. Bị cáo M liền chạy vào trong bếp lấy ra một cái xẻng bằng kim loại (kích thước lưỡi xẻng 32 cm x 21 cm) tra cán gỗ dẻo tròn dài 93 cm chạy quay lại chỗ ông V ngồi. Khi bị cáo M sắp tới gần, ông V đứng dậy, giơ hai tay đang cầm hai con dao ra phía trước thì bị bị cáo M dùng tay trái cầm xẻng vụt một phát, lưỡi xẻng trúng vào cẳng tay trái của ông V; liền sau đó, bị cáo M tiếp tục vụt phát thứ hai trúng vào trán ông V làm ông V ngã ra đất, lúc này lưỡi xẻng văng ra. Bị cáo M tiếp tục dùng cán xẻng vụt phát thứ ba thì trúng vào thái dương bên phải đầu ông V. Thấy ông V chảy nhiều máu và được ông K can ngăn, bị cáo M bỏ cán xẻng xuống cạnh đó, sơ cứu vết thương cho ông V rồi cùng mọi người đưa ông V đến Trung tâm y tế huyện B để cứu chữa.

Ngày 11/11/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện B có quyết định trưng cầu giám định số 65/CSĐT trưng cầu Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Bắc Kạn giám định thương tích đối với ông Bàn Dền V.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 204/TgT ngày 14/11/2020 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Bắc Kạn xác định thương tích của ông Bàn Dền V gồm:

- Gãy xương trụ cẳng tay trái, tỷ lệ phần trăm TTCT là 6% (sáu phần trăm);

- Sẹo mô ở dọc mặt sau, 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước 12 cm x 0,2, vị trí cách 03 cm trên móm trâm trụ trái, tỷ lệ phần trăm TTCT là 1,88 % (một phẩy tám mươi tám phần trăm);

- Sẹo vết thương phần mềm ở cung lông mày bên phải, kích thước 5,5 cm x 0,2 cm, tỷ lệ phần trăm TTCT là 1,84% (một phẩy tám mươi bốn phần trăm);

- Sẹo vết thương phần mềm vùng thái dương bên phải, kích thước 5 cm x 0,2 cm, tỷ lệ phần trăm TTCT là 0,90% (không phẩy chín mươi phần trăm);

- Sẹo vết thương phần mềm ở mặt sau trong cẳng tay trái, kích thước 4 cm x 0,2 cm, vị trí cách 6,5 cm trên móm trâm trụ trái, tỷ lệ phần trăm TTCT là 0,89% (không phẩy tám mươi chín phần trăm).

Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 11,51% (làm tròn số là 12%).

Vật gây thương tích là: Vật có cạnh.

Với hành vi trên, Bản cáo trạng số: 18/CT-VKSBB ngày 07/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Bàn Kiềm M về tội “ *Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bàn Kiềm M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Bàn Kiềm M theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bàn Kiềm M phạm tội “ *Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Kiềm M từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Trả lại cho ông Bàn Dềnh V và bà Triệu Mùi S các tài sản, đồ vật sau: 01 con dao quắm phát cỏ dài 60 cm, bản rộng 04 cm, đoạn quắm 06 cm, cán dao bằng gỗ đẽo tròn đường kính 03 cm. 01 con dao quắm phát cỏ dài 49 cm, bản rộng 04 cm, đoạn quắm dài 08 cm, cán dao bằng gỗ đẽo tròn đường kính 03 cm. 01 cán gỗ đẽo tròn dài 93 cm, đường kính 3,5 cm. 01 lưỡi xẻng bằng kim loại, dài 32 cm, rộng 21 cm, chu vi phần tra cán xẻng là 12 cm.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa nhất trí với tội danh, điều luật mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Tuy nhiên, về phần hình phạt người bào chữa cho rằng mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đưa ra là quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức khởi điểm là 24 tháng tù. Trong phần tranh luận người bào chữa giữ nguyên đề nghị, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có đơn xin xét xử vắng mặt) và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, trước đó đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bàn Kiềm M đều thừa nhận: Khoảng 17 giờ ngày 07/10/2020, vì bức tức do bị bố là ông Bàn Dềnh V, cụ thể là bị ông V mắng bị cáo và mẹ bị cáo nên bị cáo M đã dùng 01 chiếc xẻng bằng kim loại (kích thước lưỡi xẻng 32 cm x 21 cm) tra cán gỗ đẽo tròn dài 93 cm vọt ông V gây thương tích vào cẳng tay trái, vào trán và thái dương của ông V. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Bàn Dềnh V do hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo Bàn Kiềm M gây ra là 12% (mười hai

phần trăm) (Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 204/TgT ngày 14/11/2020 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Bắc Kạn).

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, trong khi có thể lựa chọn những hành vi xử sự khác để giải quyết mâu thuẫn, song bị cáo vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, dùng xẻng là hung khí nguy hiểm để đánh bổ mình là ông V với hành vi thể hiện tính chất côn đồ, coi thường sức khỏe của người khác.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng vật chứng đã thu được và phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bàn Kiểm M đã phạm tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*", được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo của mình, người nuôi dưỡng, chữa bệnh cho mình;

...

i) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đó là: Trong các giai đoạn tố tụng bị cáo đều "*Thành khẩn khai báo*" đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần được áp dụng cho bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới thân thể, sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, thể hiện sự bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật. **Xuất phát từ nguyên cơ rất nhỏ nhặt, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, bởi ông V cho rằng bị cáo không chịu làm ăn, lấy tài sản của gia đình đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã có một số lời nói đối với bị cáo, mẹ bị cáo, mục đích cũng để là nhắc nhở, bảo ban bị cáo thành người tốt chứ không có mục đích gì khác nhưng bị cáo đã có hành vi dùng xẻng có lưỡi bằng kim loại là hung khí nguy hiểm để đánh ông V gây thương tích, hành vi này có tính chất côn đồ. Mặt khác, bị cáo M dùng xẻng có lưỡi bằng kim loại là hung khí nguy hiểm để đánh ông V là người đã có công sinh thành, dưỡng dục bị cáo là trái với luân thường đạo lý, trái với đạo đức xã hội, vi phạm pháp luật. Bị cáo phạm tội với nhiều tình tiết định khung được quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự nên mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù là phù hợp.** Người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo 24 tháng tù không được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy nên cần thiết phải xử lý bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn với mức án đủ nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, để giáo dục bị cáo trở thành con người lương thiện, có ích cho xã hội.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về vật chứng vụ án:*

Vật chứng của vụ án bao gồm:

- 01 con dao quắm phát cỏ dài 60 cm, bản rộng 04 cm, đoạn quắm 06 cm, cán dao bằng gỗ đẽo tròn đường kính 03 cm.
- 01 con dao quắm phát cỏ dài 49 cm, bản rộng 04 cm, đoạn quắm dài 08 cm, cán dao bằng gỗ đẽo tròn đường kính 03 cm.
- 01 cán gỗ đẽo tròn dài 93 cm, đường kính 3,5 cm.
- 01 lưỡi xẻng bằng kim loại, dài 32 cm, rộng 21 cm, chu vi phần tra cán xẻng là 12 cm.

Tất cả các vật chứng trên là tài sản (công cụ lao động) của gia đình ông Bàn Dềnh V và bà Triệu Mùi S nên ông V và bà S đề nghị được lấy lại. Hội đồng nhận thấy yêu cầu của ông V và bà S là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về các vấn đề khác:*

Quá trình ông Bàn Dềnh V thuê xe đi viện cấp cứu, các chi phí trong quá trình điều trị tại bệnh viện đều do chị Bàn Mùi S là con gái ông V đã chi trả toàn bộ với tổng số tiền là khoảng năm triệu đồng. Nhưng chị S không yêu cầu bị cáo M và ông V phải hoàn trả cho chị S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 38, Điều 47, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bàn Kiềm M phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

2. Xử phạt bị cáo Bàn Kiềm M 32 (Ba mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về vật chứng vụ án:

Trả lại cho ông Bàn Dềnh V và bà Triệu Mùi S các tài sản, đồ vật sau:

- 01 con dao quắm phát cỏ dài 60 cm, bản rộng 04 cm, đoạn quắm 06 cm, cán dao bằng gỗ đẽo tròn đường kính 03 cm.

- 01 con dao quắm phát cỏ dài 49 cm, bản rộng 04 cm, đoạn quắm dài 08 cm, cán dao bằng gỗ đẽo tròn đường kính 03 cm.

- 01 cán gỗ đẽo tròn dài 93 cm, đường kính 3,5 cm.

- 01 lưỡi xẻng bằng kim loại, dài 32 cm, rộng 21 cm, chu vi phần tra cán xẻng là 12 cm.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/5/2021 giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bàn Kiềm M.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện B (2);
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có QL, NVLQ; (2)
- Người bào chữa;
- Chi cục THADS huyện B; (1)
- Công an huyện B; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Anh Tuấn